TÔN NAM KIM

HỒ SƠ NĂNG LỰC

COMPANY PROFILE

“Cải tiến chất lượng không ngừng” là tinh thần nhất quán trong tất cả các mặt hoạt động của Tôn Nam Kim nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ, gia tăng lợi ích của khách hàng. Từ đó mang lại sự tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.

Là một doanh nghiệp chuyên sản xuất tôn mạ hàng đầu tại Việt Nam, Tôn Nam Kim luôn tiên phong trong đầu tư công nghệ để cung cấp những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng tốt nhất đến khách hàng trong nước và quốc tế. Hiện sản phẩm Tôn Nam Kim được tin dùng trên toàn quốc và xuất khẩu đến hơn 50 quốc gia trên toàn cầu.

Tôn Nam Kim sử dụng trang thiết bị công nghệ hiện đại của các tập đoàn hàng đầu thế giới trong ngành công nghiệp thép như SMS (CHLB Đức), Drever (Bỉ). Nguồn nguyên liệu thép được lựa chọn từ các tập đoàn lớn nổi tiếng như Nippon Steel (Nhật Bản), Hyundai Steel (Hàn Quốc), CSC (Đài Loan), Formosa (Việt Nam) ... Hơn nữa, ở tất cả các công đoạn sản xuất, sản phẩm đều phải trải qua các quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt. Vì vậy, Tôn Nam Kim đã đạt được các tiêu chuẩn chất lượng khắt khe nhất thế giới như JIS (Nhật Bản), AS (Úc), ASTM (Mỹ), EN (Châu Âu), ISO 9001 và ISO 14001.

Với công nghệ tiên tiến, đội ngũ nhân sự có chuyên môn sâu và nhiều năm kinh nghiệm, Tôn Nam Kim cam kết cung cấp những sản phẩm có giá trị chất lượng bền vững, thân thiện với môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao cho khách hàng.

Tôn Nam Kim believe that our constant growth is built on quality. Therefore, “continuous quality improvement” has become a consistent spirit in all aspects of Ton Nam Kim’s activities to enhance values of our products, services to optimize customers benefits

Tôn Nam Kim is a leading coated steel manufacturer in Vietnam. By a motto always being a pioneer in investment of new technology, Tôn Nam Kim would like to offer our products to the domestic and international customers with the best quality. Until now, our products are fully nationwide trusted and exported to more than 50 countries around the world.

Tôn Nam Kim uses modern technology and equipment from the world’s leading corporations in the steel industry i.e. SMS (Germany) and Drever (Belgium). Our raw materials are selected from well-known and enormous suppliers such as Nippon Steel (Japan), Hyundai Steel (Korea), CSC (Taiwan), Formosa (Vietnam), etc. Additionally, at all stages of production, our products are always subjected to severe quality control processes. Thereby, Tôn Nam Kim has achieved certificates of the strictest qualified standards in the world such as JIS (Japan), AS (Australia), ASTM (USA), EN (Europe), ISO 9001 and ISO 14001.

Along with advanced technology, highly qualified professional and experienced teams, Tôn Nam Kim would like to commit and provide its customers qualified, environmental-friendly and economical products.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH
OUR HISTORY

2018 đến nay

Công suất mạ 1.000.000 tấn/năm.
Công suất tẩy cán 800.000 tấn/năm.
Công suất ống kẽm 120.000 tấn/năm.

Production capacity of coated steel coil is 1,000,000 tons / year. Production capacity of pickled & oiled steel coil is 800,000 tons / year. Production capacity of galvanized steel pipe is 120,000 tons / year.

2016

Nhà máy tôn mạ số 2 hoạt động, **công suất 650.000 tấn/năm**

Nam Kim Coating factory #2 began operation, ***total production capacity up to 650,000 tons / year.***

2015

Khởi công Nhà máy ống Long An tại KCN Vĩnh Lộc 2, Long An.

Commenced to construct Nam Kim Steel Pipe Factory *in Vinh Loc 2 Industrial Park, Long An Province.*

2014

Khởi công Nhà máy tôn mạ số 2 tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Commenced to construct Nam Kim Coating factory #2 *in Dong An 2 Industrial Park, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province.*

2012

Nhà máy tôn mạ số 1 hoạt động, **tổng công suất NKG 350.000 tấn/năm**

Nam Kim coating factory #1 began operation and increased ***total production capacity up to 350,000 tons / year.***

2011

Niêm yết trên sàn chứng khoán với mã cổ phiếu NKG

Was listed on the stock exchange *with stock code "NKG".*

2010

Khởi công Nhà máy tôn mạ số 1 tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Commenced to construct Nam Kim coating factory #1 *in Dong An 2 Industrial Park, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province.*

2002

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được thành lập với dây chuyền mạ kim loại **công nghệ NOF đầu tiên tại Việt Nam**

Tôn Nam Kim was established with ***the first NOF (Non- Oxidizing Furnace) metal coating line in Vietnam.***

NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT
OUTSTANDING FIGURES

TỔNG CÔNG SUẤT — *TOTAL PRODUCTION CAPACITY*

1,000,000 **tấn/năm** *tons/year*

VỐN CHỦ SỞ HỮU — *OWNERS' EQUITY*

tỷ VND

3020 **130** *million USD*

31.12.2019

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU — *EXPORT MARKETS*

>50 quốc gia & vùng lãnh thổ

countries & territories

SAO VÀNG ĐẤT VIỆT

Top 100 Giải thưởng Sao vàng Đất Việt (2015)
Top 100 Vietnam Gold Star Award (2015)

TOP 50

Doanh Nghiệp Xuất Sắc Nhất Việt Nam (2016)
Best Vietnamese enterprises (2016)

TOP 500

Doanh Nghiệp Lớn Nhất Việt Nam (2011 – 2019)
Largest enterprises in Vietnam (2011 – 2019)

TOP 500

Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (2015)
Fastest growing enterprises in Vietnam (2015)

NHÀ MÁY SẢN XUẤT
FACTORIES

CÔNG SUẤT *PRODUCTION CAPACITY* **1,000,000** **tấn / năm** *tons / year*

NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1

NAM KIM COATING FACTORY # 1

Diện tích: 6.5 ha
Công suất: 350.000 tấn/năm
Vốn đầu tư: 1.000 tỷ đồng
Sản phẩm: Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm
Địa chỉ: Lô B2.2 - B2.3, Đường Đ3, KCN Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Area: 6.5 hectares
Capacity: 350,000 tons / year
Investment capital: 43 million USD
Products: Hot dipped Aluminium-Zinc Alloy Coated Steel Sheet in Coil, Pre-painted Aluminium-Zinc Alloy Coated Steel Sheet in Coil, Hot dipped Galvanized Steel Sheet in Coil.
Address: Lot B2.2 - B2.3, D3 Street, Dong An 2 Industrial Park, Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province.

NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2

NAM KIM COATING FACTORY # 2

Diện tích: 10 ha
Công suất: 650.000 tấn/năm
Vốn đầu tư: 2.300 tỷ đồng
Sản phẩm: Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm, tôn kẽm màu.
Địa chỉ: Lô A1, Đường Đ2, KCN Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Area: 10 hectares
Capacity: 650,000 tons / year
Investment capital: 100 million USD
Products: Hot dipped Aluminium-Zinc Alloy Coated Steel Sheet in Coil, Pre-painted Aluminium-Zinc Alloy Coated Steel Sheet in Coil, Hot dipped Galvanized Steel Sheet in Coil, Pre-painted Galvanized Steel Sheet in Coil.
Address: Lot A1, D2 Street, Dong An 2 Industrial Park, Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

NHÀ MÁY ỐNG LONG AN

NAM KIM LONG AN STEEL PIPE FACTORY

Diện tích: 3.2 ha
Công suất: 120.000 tấn/năm
Vốn đầu tư: 250 tỷ đồng
Sản phẩm: Ống thép
Địa chỉ: Lô C2-16 đến Lô C2-20, Đường VL1, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Area: 3.2 hectares
Capacity: 120,000 tons / year
Investment capital: 11 million USD
Products: Galvanized steel pipe
Address: Lot C2-16 to Lot C2-20, VL1 Street, Vinh Loc 2 Industrial Park, Long Hiep Commune, Ben Luc District, Long An Province

NHÀ MÁY ỐNG CHU LAI

NAM KIM CHU LAI STEEL PIPE FACTORY

NHÀ MÁY ỐNG THÉP CHU LAI
Diện tích: 3.9 ha
Công suất: 150.000 tấn/năm
Vốn đầu tư: 150 tỷ đồng
Sản phẩm: Ống thép
Địa chỉ: Đường số 01, Khu công nghiệp hậu cần cảng Tam Hiệp, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam

Area: 3.9 ha
Capacity: 150,000 tons / year
Investment capital: 6.5 million USD
Product: Galvanized steel pipe
Address: Street No. 01, Tam Hiep Port Logistics Industrial Park, Tam Hiep Commune, Nui Thanh District, Quang Nam Province

NGUỒN NGUYÊN LIỆU

OUR RAW MATERIAL SOURCES

Tôn Nam Kim sử dụng các nguồn nguyên liệu sản xuất tốt nhất được cung cấp từ các tập đoàn uy tín toàn cầu như:

Tôn Nam Kim uses the best quality of raw materials provided by global and reputable corporations such as:

THÉP CÁN NÓNG *HOT ROLLED COIL*

Nippon Steel	**Nhật Bản** *Japan*	**Formosa Ha Tĩnh Steel**	**Việt Nam** *Vietnam*

HỢP KIM MẠ *COATING ALLOY*

MGK Metal	**Việt Nam** *Vietnam*	Korea Zinc	**Hàn Quốc** *Korea*

DÂY CHUYỀN TẨY GỈ
CONTINUOUS PICKLING LINE

CÔNG SUẤT TẨY GỈ **800,000**

CAPACITY **tấn / năm** *tons / year*

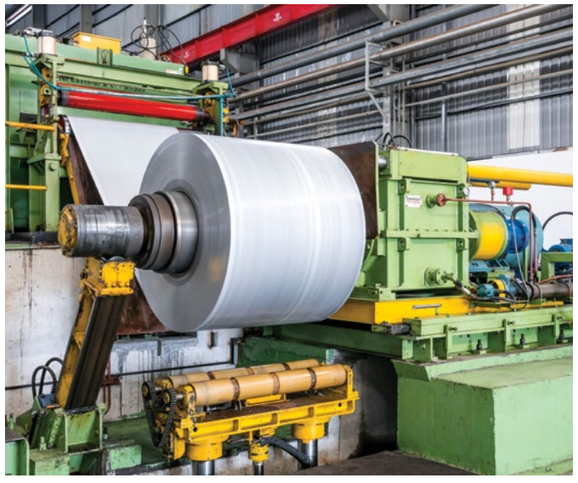

Thép nguyên liệu có độ dày từ 1.5 mm - 5.0 mm, khổ rộng 750 mm -1.300 mm được tẩy gỉ trên dây chuyền hiện đại của tập đoàn SMS Group (CHLB Đức). Đây là dây chuyền tiên tiến tại Việt Nam hiện nay được trang bị hệ thống tái sinh Axit thu hồi gỉ thép dạng viên thành phẩm, góp phần hiệu quả vào việc bảo vệ môi trường.

Raw materials with a thickness range of 1.5 mm - 5.0 mm, a width range of 750 mm - 1,300 mm are pickled and oiled on modern technology lines of SMS Group (Germany). This is the most and only one advanced line in Vietnam equipped with the Acid Regeneration & Recovering Steel Pellets System at the moment, contributes effectively into environmental protection activity.

Độ dày thép nguyên liệu *Thickness range of raw materials*	**1.5 mm - 5.0 mm**
Khổ rộng *Width range*	**750 mm - 1.300 mm**

Tôn Nam Kim sở hữu dây chuyền cán nguội đôi 2 giá cán, 6 trục CVC đầu tiên ở Việt Nam, giúp công suất tăng gấp 2 lần và giảm thiểu nhân lực, chi phí vận hành sản xuất. Công nghệ cán nguội với hệ thống AFC tự động tính toán cho ra độ phẳng băng tôn tối ưu nhất ngay ở tốc độ cao.

Tôn Nam Kim owns twin cold rolling mill with 2 stands, the first 6 - HI reversing cold rolling mill CVC in Vietnam which helps not only to increase capacity by twice but also to reduce manpower and operation costs to minimum. The cold rolling technology with the AFC system will automatically calculate the most optimal flatness of steel sheet at high speed.

Độ dày đầu ra của thép *Thickness of finished cold rolled steel*	**0.15 mm - 3.0 mm**
Tốc độ cán *Rolling speed*	**1.400 mét/phút** *meters/minute*

DÂY CHUYỀN CÁN NGUỘI
COLD ROLLING MILL

CÔNG SUẤT CÁN NGUỘI **800,000** **tấn / năm** *tons / year*

CAPACITY

DÂY CHUYỀN MẠ LẠNH HOẶC MẠ KẼM

CONTINUOUS GALVANIZING/ GALVALUME LINE

Độ dày tôn mạ *Thickness range*	**0.18 mm - 3.0 mm**
Lớp mạ hợp kim *Coating mass*	**AZ200 (tôn lạnh)** *(GL)* **Z500 (tôn kẽm)** *(GI)*

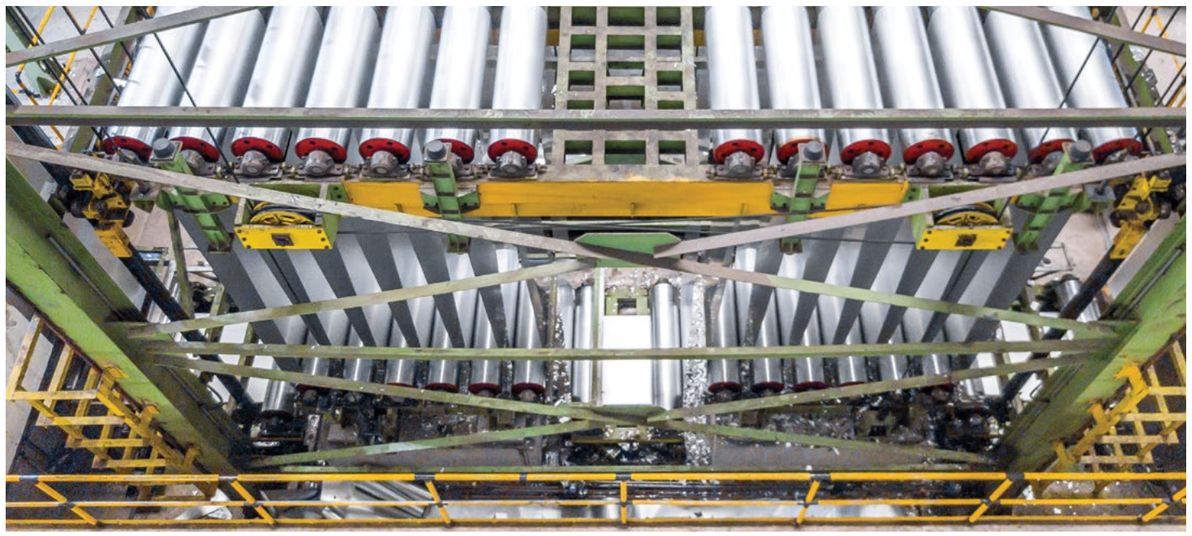

Tôn Nam Kim có 5 dây chuyền mạ kim loại công nghệ NOF có thể sản xuất tôn mạ kẽm, mạ lạnh theo nhiều tiêu chuẩn khác nhau. Các dây chuyền mạ được chế tạo bởi SMS (CHLB Đức) và được tích hợp các công nghệ hiện đại trong ngành như EMG (CHLB Đức), Drever (Bỉ), Ajax (Mỹ - Nhật) có thể kiểm soát tối ưu độ phẳng, độ đồng đều của bề mặt lớp mạ.

Chảo mạ sử dụng công nghệ ceramic và gia nhiệt cảm ứng bằng inductor của AJax (Mỹ); đặc biệt dây chuyền mạ lò chữ L của Tôn Nam Kim cho phép đốt nhiệt đều 2 mặt tôn tốt hơn và mang lại sản phẩm chất lượng với độ thẩm mỹ cao.

MẠ CHỐNG DẤU VÂN TAY

Sau khi mạ hợp kim, tôn được phủ một lớp chống oxy hóa, chống ăn mòn và tăng cường độ bền. Nguyên liệu mạ được cung cấp từ Unicoh (Hàn Quốc), công ty hoá chất hàng đầu thế giới trong ngành mạ kim loại.

Tôn Nam Kim invests 5 metallic coating lines with NOF technology which can produce Galvanized and/or Aluminium-Zinc steel product complying with various standards. The coating lines are manufactured by SMS Group (Germany) and integrated with modern technology of EMG (Germany), Drever (Belgium), Ajax (USA - Japan) to be able to control optimally flatness and uniformity of the coating surface.

The coating pans are applied ceramic and faradaic induction heating technology of AJax (USA). Especially, the L-shaped furnace allows heating equally 02 sides of the steel sheet and therefore be able to produce better product quality and higher aesthetics.

ANTI-FINGER RESIN COATING

After coating process, the steel surface will be covered by a layer of anti-oxidant and anti-corrosion to enhance durability. The surface treatment materials are supplied by Unicoh (Korea), the world's leading chemical company in coated steel industry.

DÂY CHUYỀN THÁP MẠ CHỮ L

THE L-SHAPED FURNACE

SMS group

Tiêu chuẩn *Standard*	**JIS, ASTM, AS, EN**
Công nghệ *Technology*	**NOF**
Lượng mạ danh nghĩa *Coating mass*	**AZ50 ~ AZ200**
Độ dày tôn nền *Thickness range*	**0.30 mm - 2.0 mm**
Khổ rộng *Width range*	**600 mm ~ 1250 mm**

DÂY CHUYỀN MẠ MÀU

Tôn Nam Kim sở hữu 2 dây chuyền mạ màu tiên tiến được cung cấp bởi Paco Engineering (Hàn Quốc) và Shanghai JX với hệ thống điều khiển thông minh nhằm đảm bảo chất lượng sơn phủ đồng đều và bền màu. Dây chuyền có khả năng đáp ứng bất kỳ màu sắc nào do khách hàng yêu cầu.

Tôn mạ màu Nam Kim có thể đáp ứng bất kỳ màu sắc nào theo yêu cầu của khách hàng, với thời gian bảo hành trên 15 năm.

COLOR COATING LINES

Tôn Nam Kim owns two advanced color coating lines of Paco Engineering (Korea) and Shanghai JX with smart control system to ensure uniformity of quality and durability of paint layer. The color coating lines can meet any color matching requirement from the customer.

Tôn Nam Kim's color coated steel products can meet any color's requirements from customers, with a warranty period of over 15 years.

CÔNG SUẤT MẠ MÀU

CAPACITY

180,000

tấn / năm *tons / year*

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

QUALITY CONTROL AND STANDARDS

6

1

2

3

Tôn Nam Kim đặc biệt chú trọng việc kiểm soát chất lượng. Ở mọi công đoạn, sản phẩm đều phải trải qua các quy trình kiểm tra nghiêm ngặt để đảm bảo đạt được chất lượng tốt nhất.

(1),(2) Sản phẩm được kiểm tra độ bền kéo, độ cứng, quang phổ phân tích thành phần kim loại, hợp kim.

(3) Kiểm tra độ bám dính giữa lớp mạ và thép nền.

(4) Kiểm tra các chỉ số về màu sắc, độ lệch màu giữa mẫu chuẩn với mẫu sản phẩm tôn mạ màu.

(5) Mô phỏng sự tác động của tia cực tím, và các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

(6) Kiểm tra khả năng chống ăn mòn do muối của tôn mạ màu, mạ kẽm hoặc mạ lạnh.

Tôn Nam Kim pays attention strictly to its quality control. At each stage, a product must be undergone rigorous testing procedures to ensure and achieve the best quality.

***(1),(2)** The product will be tested on tensile strength, yield strength, hardness, spectrum analysis of metal components and alloys.*

***(3)** Testing adhesion between coating layer and steel substrates.*

***(4)** Testing color index, color deviation between standard sample and pre-painted finished products.*

***(5)** Simulating the impact of ultraviolet rays, and other severe weather conditions.*

***(6)** Testing salt spray to check corrosion resistance of pre-painted, galvanized or aluminium-zinc steel products.*

4

5

SẢN PHẨM
PRODUCTS

Tôn Nam Kim sản xuất và phân phối các loại tôn lạnh, tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và các loại sản phẩm thép công nghiệp. Sản phẩm Tôn Nam Kim đa dạng chủng loại, có độ bền và tính thẩm mỹ cao, sử dụng trong các ứng dụng dân dụng cũng như công nghiệp.

Tôn Nam Kim produces and distributes various types of aluminium-zinc steel, galvanized steel, color coated steel and other industrial steel products. Its products are diverse, highly durable and aesthetic; mainly applied in civil and industrial applications.

TÔN NAM KIM ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC CÁC TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHẮT KHE NHẤT TRÊN THẾ GIỚI:

TÔN NAM KIM'S PRODUCTS HAVE BEEN CERTIFIED BY THE STRICTEST QUALITY STANDARDS IN THE WORLD:

JIS JAPANESE INDUSTRIAL STANDARD
Tiêu chuẩn Nhật
Japanese Industrial Standards

ASTM
Tiêu chuẩn Mỹ
American Society for Testing and Materials

EUROPEAN STANDARDS
Tiêu chuẩn Châu Âu
Euroupean Standards

STANDARDS Australia
Tiêu chuẩn Úc
Standards Australia

nqa ISO 9001
ISO 9001

nqa ISO 14001
ISO 14001

ĐƯỢC CẤP BỞI CÁC TỔ CHỨC:

CERTIFICATION GRANTED BY:

ANAB ACCREDITED · UKAS QUALITY MANAGEMENT · VCB · VIETCERT INSPECTION

WARRANTY OVER 15 YEARS

TÔN LẠNH MÀU
PRE-PAINTED ALUMINIUM-ZINC ALLOY COATED STEEL SHEET IN COIL
PPGL AZ100 PE 20/10

TÔN LẠNH MÀU
PRE-PAINTED ALUMINIUM-ZINC ALLOY COATED STEEL SHEET IN COIL
PPGL AZ150 - PE/SPE 25/10

TÔN LẠNH MÀU
PRE-PAINTED ALUMINIUM-ZINC ALLOY COATED STEEL SHEET IN COIL
PPGL AZ150/AZ200
PVDF 25/12

TÔN MẠ KẼM
GALVANISED STEEL SHEET IN COIL
GI

TÔN MẠ HỢP KIM NHÔM - KẼM
ALUMINIUM-ZINC ALLOY COATED STEEL SHEET IN COIL
GL

ỐNG THÉP
STEEL PIPE

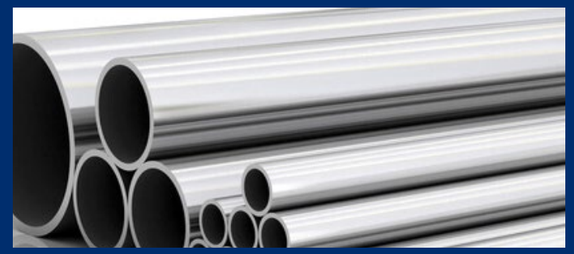

TÔN MẠ KẼM
GI

MÔ TẢ

Tôn mạ kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng kẽm nguyên chất (99%), sử dụng công nghệ nhúng nóng liên tục, thông qua nhiệt độ lò NOF để kiểm soát cơ tính phù hợp với các ứng dụng khác nhau.

ỨNG DỤNG

Làm sàn deck, ống HVAC, xà gồ kết cấu thép, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất, các sản phẩm xây dựng khác.

DESCRIPTION

Hot-dip zinc galvanized steel is steel sheets in coil coated with 2 layers of pure zinc (99%), using continuous hot-dip technology through NOF furnace temperature to control mechanical properties which are suitable for different applications.

TYPICAL APPLICATIONS

Serving as deck floor, HVAC pipes, steel purlins, details in household electrical products, interior decoration products, other construction products.

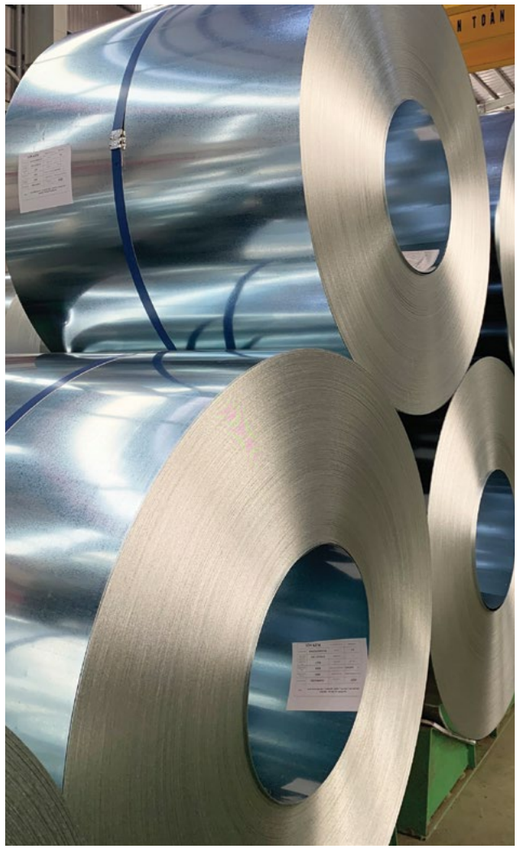

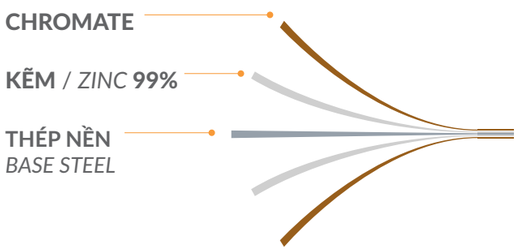

Mặt cắt mô tả lớp mạ
The section describes the coating.

TIÊU CHUẨN
STANDARDS

JIS 3302	SGCC, SGC340, SGC400, SGC440, SGC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G550
ASTM A653/A653M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
PRODUCT SPECIFICATIONS

Độ dày tôn nền *Base steel thickness*	0.25 mm - 3.00 mm
Khổ rộng *Width*	860 mm - 1250 mm
Khối lượng lớp mạ *Coating mass weight*	80 - 500 g/m² 2 mặt
Xử lý bề mặt *Surface processing*	Skin pass - NON Skin pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ *Coating protection*	Cr 6+, Cr 3 +, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling *CR 6+, Cr 3+, Colorless anti-fingerprint, Colored anti-fingerprint, Oiling*

TIÊU CHUẨN MÁC THÉP CHI TIẾT
STANDARD STEEL DETAILS

Mác thép *Steel Grade*	YS [N/mm²]	TS [N/mm²]	E [%]
CHÂU ÚC *AUSTRALIA* - AS 1397			
G250	250	320	25 (22)
G300	300	340	20 (18)
G350	350	420	15 (14)
G450	450	480	10 (9)
G500	500	520	8 (7)
G550	550	550	2 (2)
CHÂU MỸ *AMERICA* - ASTM A653M			
CS Type A	205 - 410		20
CS Type B	245 - 410		20
SS 33	230	310	20
SS 37	255	360	18
SS 40	275	380	16
SS 50 - class 1	340	450	12
SS 50 - class 2	340	...	12
SS 60	410	480	10B
SS 70	480	550	9B
SS 80 - class 1	550	570	...

Mác thép *Steel Grade*	YS [N/mm²]	TS [N/mm²]	E [%]
NHẬT BẢN *JAPAN* - JIS 3302			
SGCC	-	-	-
SGCD1	-	270	34 ÷ 38
SGC 340	245	340	20
SGC 400	295	400	18
SGC 440	335	440	18
SGC 570	560	570	-
CHÂU ÂU *EUROPE* - EN 10346			
DX51D	-	270 - 500	22
DX52D	140 - 300 (c)	270 - 420	26
DX53D	140 - 260	270 - 380	30
S220GD	220	300	(20)
S250GD	250	330	(19)
S280GD	280	360	(18)
S320GD	320	390	(17)
S350GD	350	420	(16)
S450GD	450	510	(14)
S550GD	550	560	-

BẢO HÀNH
GUARANTEE

Bảo hành chống thủng theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim.
Puncture resistance terms and conditions of Tôn Nam Kim warranty.

TÔN MẠ HỢP KIM NHÔM - KẼM

GL

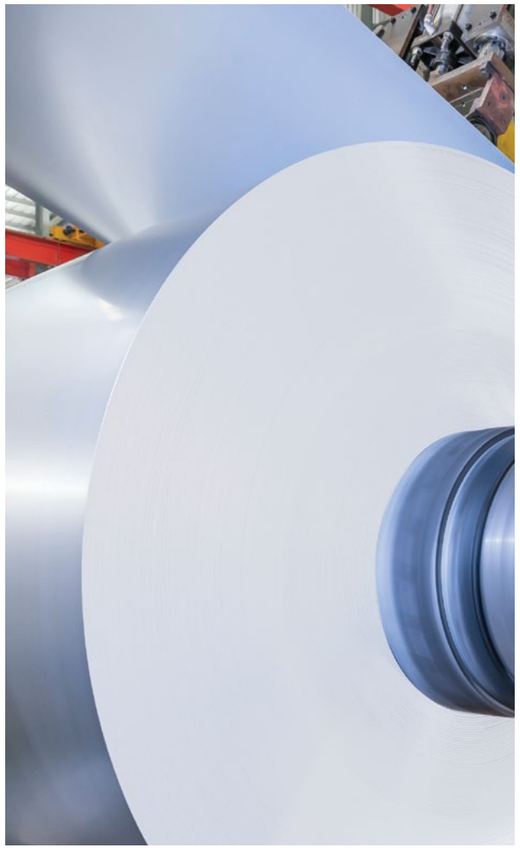

MÔ TẢ

Tôn mạ hợp kim nhôm kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng hợp kim (55% Nhôm 43.5% Kẽm 1.5% Silic), sử dụng công nghệ nhúng nóng liên tục, thông qua nhiệt độ lò NOF để kiểm soát cơ tính phù hợp với các ứng dụng khác nhau.

ỨNG DỤNG

Làm sàn deck, ống HVAC, xà gồ kết cấu thép, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất, các sản phẩm xây dựng khác.

DESCRIPTION

Zinc-aluminum alloy galvanized steel is steel sheets in coil coated with 2 layers of alloy (55% aluminum, 43.5% zinc, 1.5% Silic), using continuous hot-dip technology through NOF furnace temperature to control mechanical properties which are suitable for different applications.

TYPICAL APPLICATIONS

Serving as deck floor, HVAC pipes, steel purlins, details in household electrical products, interior decoration products, other construction products.

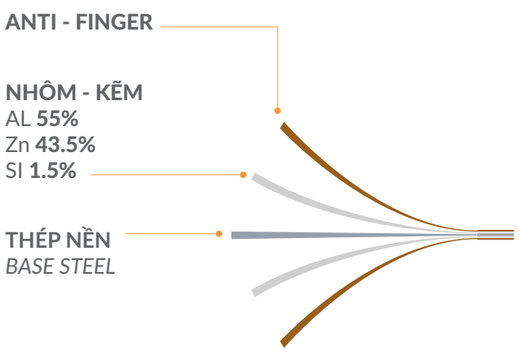

Mặt cắt mô tả lớp mạ
The section describes the coating.

TIÊU CHUẨN
STANDARDS

JIS 3302	SGCC, SGC340, SGC400, SGC440, SGC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G550
ASTM A653/A653M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
PRODUCTION SPECIFICATIONS

Độ dày tôn nền *Base steel thickness*	0.20 mm - 2.00 mm
Khổ rộng *Width*	860 mm - 1250 mm
Khối lượng lớp mạ *Coating mass weight*	50 - 200 g/m² 2 mặt
Xử lý bề mặt *Surface processing*	Skin pass - NON Skin pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ *Coating protection*	Cr 6+, Cr 3 +, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling *CR 6+, Cr 3+, Colorless anti-fingerprint, Colored anti-fingerprint, Oiling*

TIÊU CHUẨN MÁC THÉP CHI TIẾT
STANDARD STEEL DETAILS

Mác thép *Steel Grade*	YS [N/mm²][a]	TS [N/mm²]	E [%][b]
CHÂU ÚC *AUSTRALIA* - AS 1397			
G250	250	320	25 (22)
G300	300	340	20 (18)
G350	350	420	15 (14)
G450	450	480	10 (9)
G500	500	520	8 (7)
G550	550	550	2 (2)
CHÂU MỸ *AMERICA* - ASTM A653M			
CS Type A	205 - 410		20
CS Type B	245 - 410		20
SS 33	230	310	20
SS 37	255	360	18
SS 40	275	380	16
SS 50 - class 1	340	450	12
SS 50 - class 2	340	...	12
SS 60	410	480	10B
SS 70	480	550	9B
SS 80 - class 1	550	570	...

Mác thép *Steel Grade*	YS [N/mm²][a]	TS [N/mm²]	E [%][b]
NHẬT BẢN *JAPAN* - JIS 3302			
SGCC	-	-	-
SGCD1	-	270	34 ÷ 38
SGC 340	245	340	20
SGC 400	295	400	18
SGC 440	335	440	18
SGC 570	560	570	-
CHÂU ÂU *EUROPE* - EN 10346			
DX51D	-	270 - 500	22
DX52D	140 - 300 (c)	270 - 420	26
DX53D	140 - 260	270 - 380	30
S220GD	220	300	(20)
S250GD	250	330	(19)
S280GD	280	360	(18)
S320GD	320	390	(17)
S350GD	350	420	(16)
S450GD	450	510	(14)
S550GD	550	560	-

BẢO HÀNH
GUARANTEE

Bảo hành chống thủng theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim.
Puncture resistance terms and conditions of Tôn Nam Kim warranty.

TÔN LẠNH MÀU
PPGL AZ100-PE 20/10

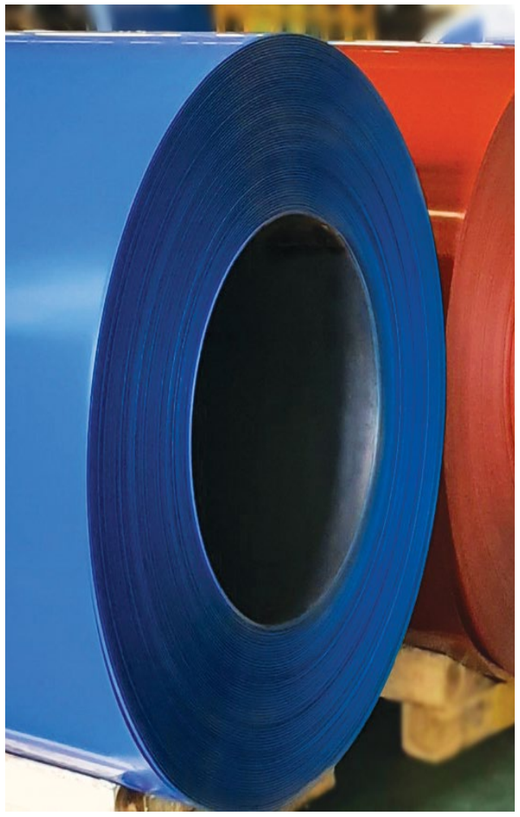

MÔ TẢ

Tôn lạnh mạ màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn cao cấp đảm bảo duy trì màu sắc lâu dài và khả năng chống ăn mòn vượt trội của lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Làm tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, máng xối, phụ kiện và cũng như các ứng dụng trong xây dựng khác.

DESCRIPTION

Pre-painted zinc-aluminum alloy galvanized steel produced by NAM KIM STEEL is a combination of high-class paint layers to ensure long-term color retention and superior corrosion resistance of zinc-aluminum alloy base steel.

The product is manufactured on the modern technological line of SMS Group - Germany.

TYPICAL APPLICATIONS

Serving as flat, waved roofing steel plates, Seamlock roofing plates, Kliplock roofing plates, wall steel plates, eave gutters, accessories and other construction applications.

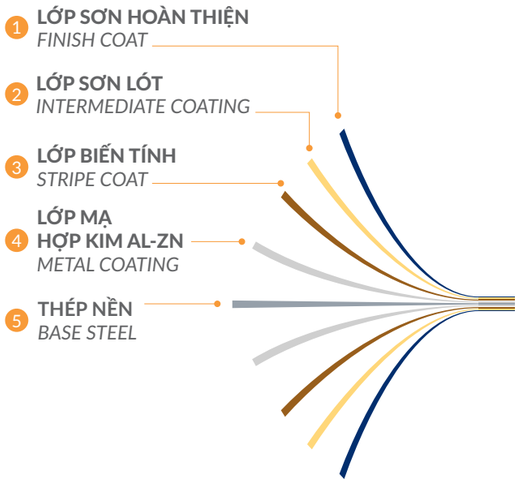

Mặt cắt mô tả lớp mạ
The section describes the coating.

TIÊU CHUẨN
STANDARDS

JIS 3322	ASTM A755	AS 2728	EN 10169

QUI CÁCH SẢN XUẤT
PRODUCTION SPECIFICATIONS

Độ dày thép nền *Base steel thickness*	**Độ dày sau mạ** *Post-coating thickness*	**Khổ rộng** *Width*	**Trọng lượng (kg/md)** *Weight (kg/md)*
0.35	0.40	1200	3.46
0.40	0.45	1200	3.93
0.45	0.50	1200	4.40
0.50	0.55	1200	4.87
0.55	0.60	1200	5.34

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN
PAINT SPECIFICATIONS

Sơn mặt chính	*Top coat*		
Lớp sơn hoàn thiện	*Finish coat*	Polyester	15 micron
Lớp sơn lót	*Intermediate coat*	Polyester	5 micron
Lớp biến tính	*Stripe coat*	Chemical	20 - 40 mg/m²
Sơn mặt lưng	*Back coat*		
Lớp biến tính	*Stripe coat*	Chemical	20 - 40 mg/m²
Lớp sơn lót	*Intermediate coat*	Polyester	5 micron
Lớp sơn hoàn thiện	*Finish coat*	Polyester	5 micron

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 150g/m² / 2 mặt.
Zinc aluminum alloy coating layer (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - coating layer weight 150g/m² / 2 sides.

BẢO HÀNH
GUARANTEE

Bảo hành theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim.
Terms and conditions of Nam Kim Steel warranty.

Bảo hành chống thủng *Warranty against perforation*	**15 năm** *years*
Bảo hành phai màu sơn *Warranty against paint color fading*	**5 năm** *years*

TÔN LẠNH MÀU
PPGL AZ150 - PE/SPE 25/10

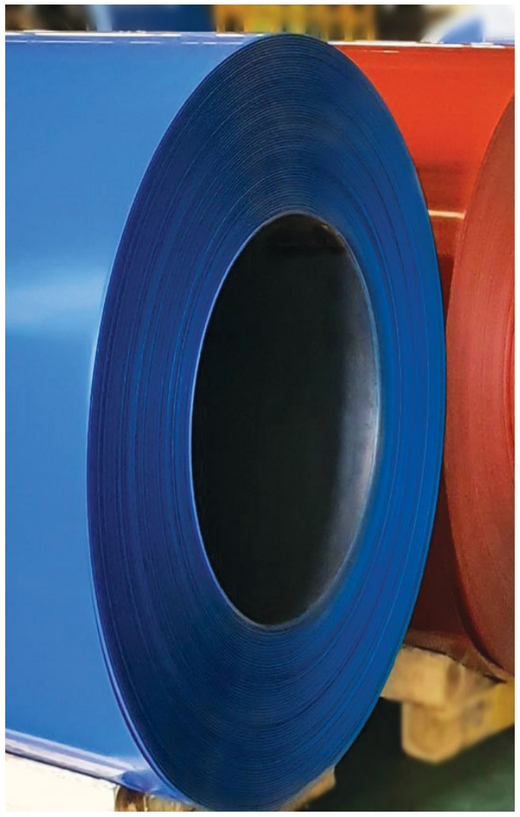

MÔ TẢ

Tôn lạnh mạ màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn cao cấp đảm bảo duy trì màu sắc lâu dài và khả năng chống ăn mòn vượt trội của lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Làm tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, máng xối, phụ kiện và cũng như các ứng dụng trong xây dựng khác.

DESCRIPTION

Pre-painted zinc-aluminum alloy galvanized steel produced by NAM KIM STEEL is a combination of high-class paint layers to ensure long-term color retention and superior corrosion resistance of zinc-aluminum alloy base steel.

The product is manufactured on the modern technological line of SMS Group - Germany.

TYPICAL APPLICATIONS

Serving as flat, waved roofing steel plates, Seamlock roofing plates, Kliplock roofing plates, wall steel plates, eave gutters, accessories and other construction applications.

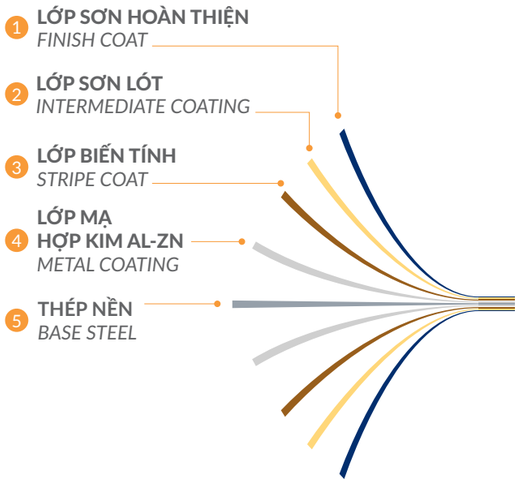

Mặt cắt mô tả lớp mạ
The section describes the coating.

TIÊU CHUẨN
STANDARDS

JIS 3322	ASTM A755	AS 2728	EN 10169

QUI CÁCH SẢN XUẤT
PRODUCTION SPECIFICATIONS

Độ dày thép nền *Base steel thickness*	Độ dày sau mạ *Post-coating thickness*	Khổ rộng *Width*	Trọng lượng (kg/md) *Weight (kg/md)*
0.35	0.40	1200	3.53
0.40	0.45	1200	4.00
0.45	0.50	1200	4.48
0.50	0.55	1200	4.95
0.55	0.60	1200	5.42

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN
PAINT SPECIFICATIONS

Sơn mặt chính	*Top coat*		
Lớp sơn hoàn thiện	*Finish coat*	Polyester/ Super Polyester	20 micron
Lớp sơn lót	*Intermediate coat*	PE / SPE	5 micron
Lớp biến tính	*Stripe coat*	Chemical	20 - 40 mg/m^2
Sơn mặt lưng	*Back coat*		
Lớp biến tính	*Stripe coat*	Chemical	20 - 40 mg/m^2
Lớp sơn lót	*Intermediate coat*	Polyester	5 micron
Lớp sơn hoàn thiện	*Finish coat*	Polyester	5 micron

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 150g/m^2 2 mặt.
Zinc aluminum alloy coating layer (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - coating layer weight 100g/m^2 / 2 sides

BẢO HÀNH
GUARANTEE

Bảo hành theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim.
Terms and conditions of Nam Kim Steel warranty.

Bảo hành chống thủng *Warranty against perforation*		**20 năm** *years*
Sơn PE *PE Paint*	**Bảo hành lớp sơn** *Warranty for paint layers*	**10 năm** *years*
	Bảo hành phai màu sơn *Warranty against paint color fading*	**8 năm** *years*
Sơn SPE *SPE Paint*	**Bảo hành lớp sơn** *Warranty for paint layers*	**15 năm** *years*
	Bảo hành phai màu sơn *Warranty against paint color fading*	**10 năm** *years*

TÔN LẠNH MÀU
PPGL AZ150/AZ200 - PVDF 25/12

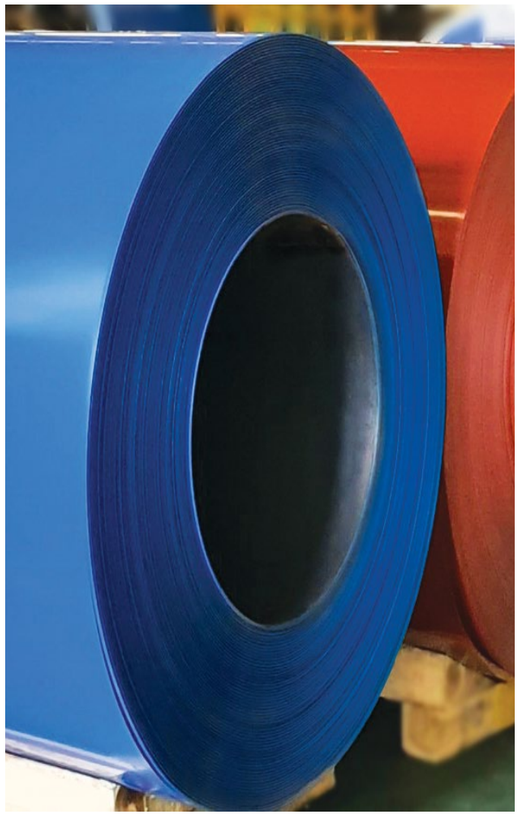

MÔ TẢ

Tôn lạnh mạ màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn cao cấp đảm bảo duy trì màu sắc lâu dài và khả năng chống ăn mòn vượt trội của lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Làm tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, máng xối, phụ kiện và cũng như các ứng dụng trong xây dựng khác.

DESCRIPTION

Pre-painted zinc-aluminum alloy galvanized steel produced by NAM KIM STEEL is a combination of high-class paint layers to ensure long-term color retention and superior corrosion resistance of zinc-aluminum alloy base steel.

The product is manufactured on the modern technological line of SMS Group - Germany.

TYPICAL APPLICATIONS

Serving as flat, waved roofing steel plates, Seamlock roofing plates, Kliplock roofing plates, wall steel plates, eave gutters, accessories and other construction applications.

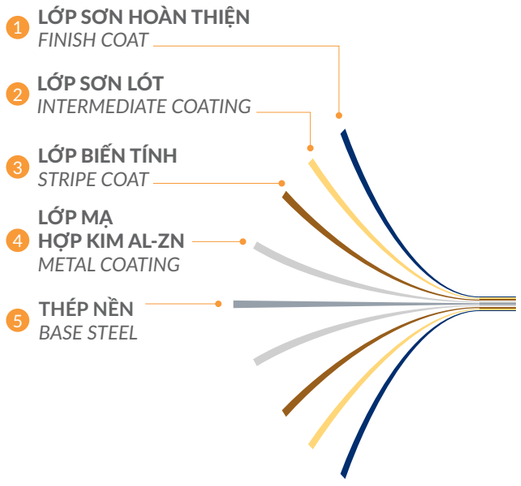

Mặt cắt mô tả lớp mạ
The section describes the coating.

TIÊU CHUẨN
STANDARDS

JIS 3322	ASTM A755	AS 2728	EN 10169

QUI CÁCH SẢN XUẤT
PRODUCTION SPECIFICATIONS

Độ dày thép nền *Base steel thickness*	**Độ dày sau mạ** *Post-coating thickness*	**Khổ rộng** *Width*	**Trọng lượng** *Weight* **AZ 150 (kg/md)**	**Trọng lượng** *Weight* **AZ210 (kg/md)**
0.35	0.40	1200	3.53	3.61
0.40	0.45	1200	4.00	4.08
0.45	0.50	1200	4.48	4.55
0.50	0.55	1200	4.95	5.02
0.55	0.60	1200	5.42	5.49

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN
PAINT SPECIFICATIONS

Sơn mặt chính	*Top coat*		
Lớp sơn hoàn thiện	*Finish coat*	PVDF	20 micron
Lớp sơn lót	*Intermediate coat*	Special Primer	5 micron
Lớp biến tính	*Stripe coat*	Chemical	20 - 40 mg/m²
Sơn mặt lưng	*Back coat*		
Lớp biến tính	*Stripe coat*	Chemical	20 - 40 mg/m²
Lớp sơn lót	*Intermediate coat*	Polyester	5 micron
Lớp sơn hoàn thiện	*Finish coat*	Polyester	7 micron

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 150g/m² 2 mặt - 200g/m² 2 mặt.
Zinc aluminum alloy coating layer (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - coating layer weight 150g/m²/2 sides - 200g/m²/2 sides.

BẢO HÀNH
GUARANTEE

Bảo hành theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim.
Terms and conditions of Ton Nam Kim warranty.

Bảo hành chống thủng *Warranty against perforation*	**25 năm** *years*
Bảo hành lớp sơn *Warranty for paint layers*	**20 năm** *years*
Bảo hành phai màu sơn *Warranty against paint color fading*	**20 năm** *years*

ỐNG THÉP
STEEL PIPE

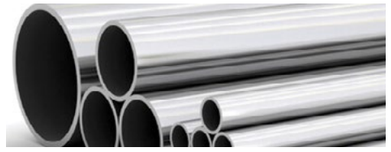

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT:
PRODUCTION STANDARD

JIS G3466 & G3444
Coating Z80 - Z275

STT *No.*	Quy cách *Sizes* (mm)	Đóng gói (cây/bó) *Packaging (pieces/bundle)*	Tỷ trọng theo độ dày (kg/bó) *Weight by thickness (kg/bundle)*									
			0.70	0.80	0.90	1.00	1.10	1.20	1.40	1.80	2.0	2.50
1	14 x 14	200	314 ≤	315 - 357	358 - 407	408 - 455	456 - 505	506 - 554	603 - 653	802 - 850	899 - 947	999 - 1192
2	16 x 16	100	183 ≤	184 - 208	209 - 237	238 - 265	266 - 294	295 - 323	352 - 380	468 - 495	524 - 551	582 - 694
3	13 x 26	100	231 ≤	232 - 264	265 - 300	301 - 336	337 - 373	374 - 409	445 - 482	592 - 627	664 - 699	737 - 879
4	20 x 20	100	231 ≤	232 - 264	265 - 300	301 - 336	337 - 373	374 - 409	445 - 482	592 - 627	664 - 699	737 - 879
5	25 x 25	100	292 ≤	293 - 333	334 - 379	380 - 425	426 - 471	472 - 516	562 - 609	748 - 792	838 - 882	931 - 1111
6	16 x 36	200	609 ≤	610 - 694	695 - 790	791 - 884	885 - 981	982 - 1075	1170 - 1268	1557 - 1650	1745 - 1838	1938 - 2314
7	20 x 40	100	353 ≤	354 - 402	403 - 458	459 - 513	514 - 569	570 - 624	679 - 736	903 - 957	1013 - 1066	1125 - 1342
8	30 x 30	100	353 ≤	354 - 402	403 - 458	459 - 513	514 - 569	570 - 624	679 - 736	903 - 957	1013 - 1066	1125 - 1342
9	36 x 36	100	426 ≤	427 - 486	487 - 553	554 - 619	620 - 687	688 - 753	820 - 888	1090 - 1155	1222 - 1287	1357 - 1620
10	25 x 50	100	445 ≤	446 - 506	507 - 577	578 - 646	647 - 716	717 - 785	855 - 926	1137 - 1204	1274 - 1342	1415 - 1689
11	40 x 40	50	237 ≤	238 - 271	272 - 308	309 - 345	346 - 383	384 - 419	457 - 495	608 - 643	681 - 717	756 - 902
12	30 x 60	100	536 ≤	537 - 610	611 - 695	696 - 778	779 - 863	864 - 946	1030 - 1116	1370 - 1452	1536 - 1618	1706 - 2036
13	50 x 50	50	298 ≤	299 - 340	341 - 387	388 - 433	434 - 481	482 - 527	574 - 621	763 - 808	856 - 901	950 - 1134
14	30 x 90	50	359 ≤	360 - 409	410 - 466	467 - 522	523 - 579	580 - 634	691 - 748	919 - 973	1030 - 1085	1144 - 1365
15	40 x 80	50	359 ≤	360 - 409	410 - 466	467 - 522	523 - 579	580 - 634	691 - 748	919 - 973	1030 - 1085	1144 - 1365
16	50 x 100	50	451 ≤	452 - 513	514 - 585	586 - 655	656 - 726	727 - 796	866 - 939	1152 - 1221	1292 - 1360	1434 - 1712
17	75 x 75	49	442 ≤	443 - 503	504 - 573	574 - 641	642 - 711	712 - 780	849 - 920	1129 - 1196	1266 - 1333	1406 - 1678
18	60 x 120	25	271 ≤	272 - 309	310 - 352	353 - 394	395 - 437	438 - 478	521 - 564	693 - 734	777 - 818	863 - 1030
19	90 x 90	25	271 ≤	272 - 309	310 - 352	353 - 394	395 - 437	438 - 478	521 - 564	693 - 734	777 - 818	863 - 1030
20	Φ21	153	293 ≤	294 - 334	335 - 381	382 - 426	427 - 473	474 - 518	565 - 611	751 - 795	842 - 886	935 - 1115
21	Φ27	127	317 ≤	318 - 361	362 - 411	412 - 461	462 - 511	512 - 560	610 - 660	811 - 859	909 - 957	1010 - 1205
22	Φ34	102	323 ≤	324 - 368	369 - 419	420 - 469	470 - 520	521 - 570	621 - 673	826 - 875	926 - 975	1028 - 1227
23	Φ42	91	360 ≤	361 - 410	411 - 467	468 - 523	524 - 580	581 - 636	693 - 750	921 - 976	1033 - 1087	1147 - 1369
24	Φ49	61	282 ≤	283 - 322	323 - 366	367 - 410	411 - 455	456 - 498	543 - 588	722 - 765	810 - 852	899 - 1073
25	Φ60	61	345 ≤	346 - 394	395 - 448	449 - 502	503 - 557	558 - 610	664 - 720	884 - 936	990 - 1043	1100 - 1313
26	Φ76	37	266 ≤	267 - 303	304 - 345	346 - 386	387 - 428	429 - 469	512 - 554	680 - 720	762 - 803	847 - 1010
27	Φ90	27	230 ≤	231 - 262	263 - 299	300 - 334	335 - 371	372 - 406	443 - 479	589 - 624	660 - 695	733 - 875
28	Φ114	24	260 ≤	261 - 296	297 - 338	339 - 378	379 - 419	420 - 459	501 - 542	666 - 705	746 - 785	829 - 989

THỊ TRƯỜNG VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

MARKET AND DISTRIBUTION CHANNELS

Hiện Tôn Nam Kim đã được tin dùng tại thị trường nội địa và xuất khẩu đến hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như Úc, Châu Âu và Mỹ, Đông Nam Á, Nam Á, Trung Đông, Châu Phi.

Currently, Tôn Nam Kim's products have been trusted and used in the domestic market and also exported to more than 50 countries around the world to Australia, Europe, America, Southeast Asia, South Asia, the Middle East, and Africa.

Trên *More than*

50

Quốc gia & vùng lãnh thổ

Nations & territories

QUAN HỆ HỢP TÁC
CO-OPERATION

Tôn Nam Kim đang hợp tác với các tập đoàn, công ty cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu uy tín hàng đầu thế giới. Tôn Nam Kim còn có mối quan hệ lâu năm với nhiều khách hàng lớn trong nước và quốc tế, đồng thời cung cấp các sản phẩm tôn thép chất lượng cao cho các công trình trên toàn quốc.

Tôn Nam Kim is cooperating with leading reputation corporations of the world who supply the best quality of raw materials. The company also has longtime relationship with many big domestic and international buyers. Especially, on domestic market, it is providing high quality products for projects across the country.

NHÀ CUNG CẤP TRANG THIẾT BỊ
EQUIPMENT SUPPLIER

SMS (CHLB Đức) là nhà cung cấp thiết bị cho ngành công nghiệp thép hàng đầu thế giới. Tập đoàn đã cung cấp dây chuyền luyện kim cho hàng loạt nhà máy thép lớn tại Đức, Mỹ, Brazil, Iceland, các tiểu vương quốc Ả Rập, Ấn Độ, Malaysia.

SMS (Germany) is a leading supplier of equipment for steel industry in the world. The Group has supplied metallurgical lines to a remarkable number of large steel factories in Germany, USA, Brazil, Iceland, the United Arab Emirates, India, Malaysia, etc.

Drever International (Bỉ) có hơn 60 năm kinh nghiệm về công nghệ, thiết bị xử lý nhiệt. Với các công ty đại diện tại các châu lục, Drever International có thể đáp ứng các yêu cầu của khách hàng ở bất cứ nơi nào trên thế giới.

Drever International (Belgium) has more than 60 years of experience in heat treatment technology and equipment. With representative offices located in all continents, Drever International can meet any requirement of customers around the world.

Ajax TOCCO Magnethermic là công ty hàng đầu thế giới về thiết bị sưởi ấm, nóng chảy cảm ứng và các dịch vụ liên quan hoạt động tại 9 quốc gia trên toàn cầu.

Ajax TOCCO Magnethermic is the World Leader in Induction Melting and Heating Equipment and Associated Services with worldwide operation in 9 contries.

Paco Engineering Co., Ltd. (Hàn Quốc) là công ty uy tín thế giới về sản xuất thiết bị công nghiệp và cung cấp giải pháp công nghệ đặc biệt là dây chuyền mạ màu trong lĩnh vực thép công nghiệp.

Paco Engineering Co., Ltd. (Korea) is a world-trusted company that manufactures industrial equipment and provides technology solutions, especially in color coating lines of the steel industry.

Samwoo Eco (Hàn Quốc) là đơn vị hàng đầu thế giới về cung cấp thiết bị, và giải pháp cho ngành mạ. Samwoo Eco không ngừng phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới với chất lượng ưu việt nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng trên toàn cầu.

Samwoo Eco is the world leading group in supplying equipment and solution for the metal coating industry. Samwoo Eco is constantly developing new technologies, new products with superior quality to meet requirements of customers around the globe.

EMG Automation (CHLB Đức) nổi tiếng toàn cầu về các giải pháp điều khiển, tự động hoá thông minh và kiểm soát chất lượng sản phẩm cho các dây chuyền sản xuất thép, nhôm, giấy... EMG có các nhà máy chế tạo thiết bị tại Đức, Hoa Kỳ, Brazil, Nhật Bản...

EMG Automation GmbH (Germany) is a globally well-known for its control solutions, smart automation and product quality control for steel, aluminum and paper production lines and so on. EMG has many equipment manufacturing plants which are located in Germany, USA, Brazil, Japan, etc.

ĐỐI TÁC CUNG CẤP NGUYÊN VẬT LIỆU
SUPPLYING RAW MATERIALS PARTNERS

Formosa Hà Tĩnh (FHS) là tổ hợp luyện và cán thép có quy mô lớn nhất tại Việt Nam và Đông Nam Á.

Formosa Ha Tinh (FHS) is the largest steelmaking and rolling complex in Vietnam and Southeast Asia.

Nippon Steel là tập đoàn thép lớn nhất Nhật Bản và là nhà sản xuất thép lớn thứ 3 thế giới xét về sản lượng vào năm 2017. Tập đoàn đã xuất khẩu sản phẩm đến rất nhiều quốc gia từ Châu Á, đến Bắc Mỹ, Nam Mỹ và Châu Âu.

Nippon Steel is the largest steel corporation in Japan and the third largest steel manufacturer in the world in terms of capacity in 2017. The Group has already exported its products to many countries in Asia, North America, South America and Europe.

Korea Zinc là công ty hàng đầu thế giới trong ngành luyện kim, sản xuất thỏi kẽm, vàng điện phân, bạc, chì, đồng và vật liệu mạ kẽm chống ăn mòn. Sản phẩm Korea Zinc thân thiện môi trường và được tín nhiệm trên toàn cầu.

Korea Zinc is a world leading company specialize in metallurgy industry, manufacturing zinc ingots, electrolytic gold, silver, lead, copper and anti-corrosion galvanized materials. Korea Zinc products are environmentally friendly and highly recognized around the world.

Unicoh Soecialty Chemical là công ty hoá chất hàng đầu Hàn Quốc với hơn 40 năm kinh nghiệm, chuyên cung cấp các loại hoá chất trong ngành công nghiệp, đặc biệt nổi tiếng về các chất xử lý bề mặt kim loại trong dây chuyền mạ kẽm, mạ lạnh, mạ màu, ...

Unicoh Soecialty Chemical is a leading Korean chemical company with more than 40 years of experience, specializing in supplying various chemicals in the industry, specially in reputable for its chemicals that offer metal surface treatment matters in galvanizing lines, aluminium-zinc coating lines, color coating lines and so on.

MGK là công ty đầu tiên và dẫn đầu trong ngành luyện kim tại Đông Nam Á với các sản phẩm hợp kim chất lượng cao, được công nhận tại thị trường Việt Nam.

MGK is the first and leading company in Southest Asia specializing in metallurgy industry, producing hight quality Pre-mixed Galvalume alloy which is highly recognized in Vietnam.

Quaker (Mỹ) dẫn đầu toàn cầu về cung cấp hoá chất chuyên dụng cho ngành công nghiệp, có mặt tại 21 quốc gia. Trong gần 100 năm qua, Quaker đã mang đến những giá trị vượt trội cho khách hàng toàn cầu bằng công nghệ tiên tiến, quy trình chặt chẽ và dịch vụ linh động.

Quaker (USA) is a global leader in supplying industrial specialized chemicals, present in 21 countries. For nearly 100 years, Quaker has brought exceptional value to global customers with advanced technology, rigorous processes and flexible services.

PPG (Hoa Kỳ) được thành lập năm 1883, là tập đoàn nổi tiếng toàn cầu trong lĩnh vực sản xuất sơn công nghiệp, sơn bảo vệ, sơn tàu biển, sơn ô tô và chất phủ bề mặt. Sơn PPG đã có mặt tại 70 quốc gia trên thế giới.

PPG (United States) was established in 1883, is a globally famous corporation in the field of manufacturing industrial paints, protective paints, marine paints, automotive paints and surface coatings. PPG paints are presented in 70 countries around the world.

Beckers dẫn đầu thị trường toàn cầu về sơn công nghiệp và sơn cuộn. Tập đoàn của Thụy Điển với hơn 150 năm tuổi đời, cung cấp các sản phẩm và giải pháp về sơn cho khách hàng ở 60 nước trên thế giới.

Beckers is leading the global market for industrial paint and coil paint. The Swedish Group, with over 150 years of age, provides paint products and solutions to its customers in 60 countries around the world.

DỰ ÁN
PROJECTS

MỘT SỐ DỰ ÁN TÔN NAM KIM ĐÃ CUNG CẤP SẢN PHẨM
TÔN NAM KIM PROVIDED PRODUCTS FOR

Công trình: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: KCN Phước Đông, huyện Gò Dầu, Tây Ninh
Diện tích: 1.100.000m²

Project: BROTEX COLORED-YARN FACTORY
Category: factory
Address: Phuoc Dong Industrial Park, Go Dau district, Tay Ninh
Area: 1,100,000 m²

Công trình: NHÀ MÁY SƠN KCC - ĐỒNG NAI
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: KCN Nhơn Trạch 6, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
Diện tích: 80.000 m²

Project: KCC PAINT DONG NAI FACTORY
Category: factory
Address: Nhon Trach 6 Industrial Park, Nhon Trach District, Dong Nai
Area: 80,000 m²

Công trình: KHU SẢN XUẤT CTY AMPACS INTERNATIONAL
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: KCN Bàu Bàng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
Diện tích: 68.000 m²

Project: AMPACS INTERNATIONAL CO., LTD
Category: factory
Address: Bau Bang Industrial Park, Bau Bang Dist., Binh Duong
Area: 68,000 m²

Công trình: MASTER
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: Lô B, đường N6b, Cụm CN Phú Chánh 1, xã Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Diện tích: 65.063 m²

Project: MASTER
Category: factory
Address: Lot. B, N6b street, Phu Chanh 1 Industrial Clusters, Phu Chanh ward, Tan Uyen town, Binh Duong
Area: 65,063 m²

Công trình: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỊT MÁT MEAT DELI MASAN LONG AN
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: KCN Tân Đức, Xã Đức Hoà Hạ, Huyện Đức Hòa, Long An
Diện tích: 60.000 m²

Project: MEAT DELI MASAN LONG AN FACTORY
Category: factory
Address: Tan Duc Industrial Park, Duc Hoa Ha Commune, Duc Hoa District, Long An
Area: 60,000 m²

Công trình: NHÀ MÁY THÉP POSCO SS-VINA
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: KCN Phú Mỹ II, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Diện tích: 488.800 m²

Project: POSCO SS-VINA STEEL FACTORY
Category: factory
Address: Phu My II Industrial Park, Tan Thanh District, Ba Ria - Vung Tau
Area: 488,800 m²

Công trình: NHÀ MÁY XIANG JIANG
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: KCN Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh
Diện tích: 60.000 m²

Project: XIANG JIANG FACTORY
Category: factory
Address: Thanh Thanh Cong Industrial Zone, An Hoa Commune, Trang Bang District, Tay Ninh
Area: 60,000 m²

Công trình: FULLY
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: Lô E D6 cụm CN Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Diện tích: 45.307 m²

Project: FULLY
Category: factory
Address: Lot. E D6, Phu Chanh Industrial Clusters, Tan Uyen town, Binh Duong
Area: 45,307 m²

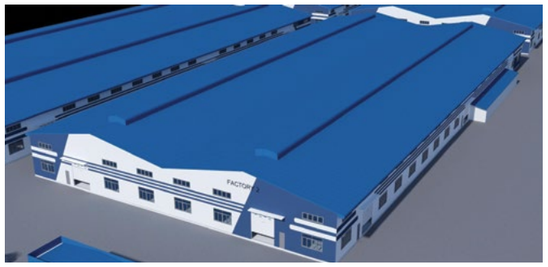

Công trình: NHÀ MÁY MPF VIỆT NAM
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: Khu Công nghiệp Bàu Bàng, Bình Dương
Diện tích: 45.000 m²

Project: MPF FACTORY VIETNAM
Category: factory
Address: Bau Bang Industrial Park, Bau Bang District, Binh Duong
Area: 45,000 m²

Công trình: NHÀ XƯỞNG NINGBO CHANGYA PLASTIC
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: KCN Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh
Diện tích: 45.000 m²

Project: NINGBO CHANGYA PLASTIC FACTORY
Category: factory
Address: Thanh Thanh Cong Industrial Zone, An Hoa Commune, Trang Bang District, Tay Ninh
Area: 45,000 m²

Công trình: NHÀ MÁY NPP POWER
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: KCN Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh
Diện tích: 42.540 m²

Project: NPP POWER FACTORY
Category: factory
Address: Thanh Thanh Cong Industrial Zone, An Hoa Commune, Trang Bang District, Tay Ninh
Area: 42,540 m²

Công trình: NHÀ MÁY NỆM GESIN VIỆT NAM
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: Khu Công Nghiệp VSIP, Huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
Diện tích: 34.000 m²

Project: GESIN VIETNAM MATTRESS FACTORY
Category: factory
Address: VSIP Quang Ngai, Son Tinh District, Quang Ngai
Area: 34,000 m²

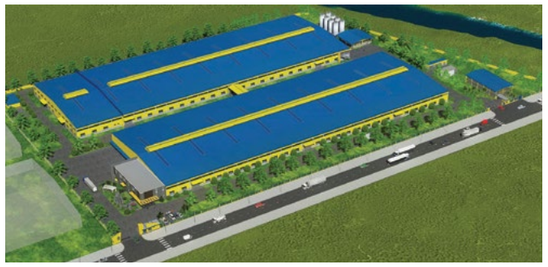

Công trình: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI LỐP XE POLYESTER & NYLON HYOSUNG
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: KCN Tam Thăng, TP Tam Kỳ, Quảng Nam
Diện tích: 30.000 m²

Project: HYOSUNG POLYESTER & NYLON TIRE CORD MANUFACTURING FACTORY
Category: factory
Address: Tam Thang Industrial Park, Tam Ky city, Quang Nam
Area: 30,000 m²

Công trình: CSI CHANG SHIN VIETNAM (NHÀ MÁY CHANG SHIN LONG THÀNH)
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: KCN Tân Phú, Huyện Tân Phú, Đồng Nai
Diện tích: 30.000 m²

Project: CHANG SHIN LONG THANH FACTORY
Category: factory
Address: Tan Phu Industrial Park, Tan Phu District, Dong Nai
Area: 30,000 m²

Công trình: NHÀ MÁY BIBICA LONG AN (GIAI ĐOẠN 1)
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Long An
Diện tích: 19.000 m²

Project: BIBICA LONG ANFACTORY (PHASE 1)
Category: factory
Address: Vinh Loc 2 Industrial Park, Long Hiep Commune, Ben Luc District, Long An
Area: 19,000 m²

Công trình: DAE MYUNG CHEMICAL VIỆT NAM
Hạng mục: nhà xưởng
Địa điểm: KCN Long Thành, Long Thành, Đồng Nai
Diện tích: 7.600 m²

Project: DAE MYUNG CHEMICAL VIETNAM
Category: factory
Address: Long Thanh Industrial Park, Long Thanh District, Dong Nai
Area: 7,600 m²

TÔN NAM KIM

Quét mã QR để biết thêm thông tin.
Scan QR code for more information.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM
Lô A1, đường Đ2, KCN Đồng An 2,
phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một,
tỉnh Bình Dương
T. 0274 3748 848 F. 0274 3748 868
E. info@namkimgroup.vn
www.tonnamkim.com

NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY
Lot.A1, Đ2 street, Dong An 2 Industrial Park,
Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City,
Binh Duong
T. 0274 3748 848 F. 0274 3748 868
E. info@namkimgroup.vn
www.tonnamkim.com

Xuất khẩu | *Export Business Department*
Ms. Nguyễn Thị Ngọc Liên
M. 0903 192 589
E. lienntn@namkimgroup.vn

Nội địa | *Domestic Business Department*
Mr. Nguyễn Minh Hùng
M. 0903 986 844
E. hungnm@namkimgroup.vn